BIỂU PHÍ THẺ TÍN DỤNG

MB

Ngày cập nhật: 23/09/2026

	KHOẢN MỤC PHÍ	KHCN	KH MB Priority	KH MB Private	Ghi chú
I	**PHÍ PHÁT HÀNH**				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	Miễn phí			
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth	Miễn phí			
3	Thẻ tín dụng Visa /JCB Platinum	Miễn phí			
4	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	Không áp dụng	Miễn phí	Miễn phí	
5	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	Miễn phí			
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	+Thẻ PVC: 500.000 VND/thẻ chính +Thẻ bán kim loại: 2.000.000 VND/thẻ chính + Thẻ phi vật lý: Miễn phí	+Thẻ PVC: Miễn phí +Thẻ bán kim loại: 2.000.000 VND/thẻ chính + Thẻ phi vật lý: Miễn phí		Áp dụng từ ngày 01/05/2026. MB sẽ thực hiện truy thu phí phát hành với các trường hợp hệ thống chưa tự động thu phí theo biểu.
		Thẻ phụ: +Phôi PVC: miễn phí | + Phôi Kim loại: không triển khai thẻ phụ			
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	2,000,000 VNĐ	Miễn phí		
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	Thẻ chính: 4.000.000 VND		Thẻ chính: Miễn phí	Áp dụng từ ngày 01/01/2026
		Thẻ phụ: 4.000.000 VND			
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	Thẻ chính: 4.000.000 VND		Thẻ chính: Miễn phí	
		Thẻ phụ: 4.000.000 VND			
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Bamboo, SSC	Miễn phí			
11	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Viettravel Classic/Platinum	Thẻ chính/thẻ phụ: Hạng Classic - 100.000 VND; Hạng Platinum - 300.000 VND			
12	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VinID Classic/Platinum	Thẻ chính/thẻ phụ: Hạng Classic - 100.000 VND; Hạng Platinum - 300.000 VND			
II	**PHÍ PHÁT HÀNH LẠI THẺ / PIN**				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	100.000 VND/thẻ, áp dụng chung đối với thẻ chính và thẻ phụ			
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth				
3	Thẻ tín dụng Visa/JCB Platinum				
4	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum				
5	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority				
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	Miễn phí			
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	100.000 VND/thẻ, áp dụng chung đối với thẻ chính và thẻ phụ			
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	4.000.000 VNĐ/thẻ (Áp dụng cho cả thẻ chính & thẻ phụ)			Áp dụng từ ngày 01/01/2026
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite				
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	100.000 VND/thẻ, áp dụng chung đối với thẻ chính và thẻ phụ			
11	**Hỗ trợ khác**				
	Phí cấp lại PIN tại quầy - PIN Giấy	20.000 VND / lần, áp dụng chung với các loại thẻ			
	Phí cấp lại PIN trên app	Miễn phí			
	Phí trả thẻ tại nhà	30.000 VND / lần, áp dụng chung với các loại thẻ			
III	**PHÍ THƯỜNG NIÊN**				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 199.000 VNĐ/năm & miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 20 trđ.			Áp dụng từ ngày 15/10/2025 (xét theo thời gian kích hoạt thẻ)
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth				
3	Thẻ tín dụng Visa/ JCB Platinum				
4	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 399.000 VNĐ/năm & miễn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 50 trđ.			
5	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	Miễn phí năm đầu. Từ năm thứ 2: 500.000 VND/ thẻ			
6	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	**1. Thẻ chính**: Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 800.000 VND/năm, hoàn phí khi tổng chi tiêu năm liền trước đạt từ 100 triệu đồng **2. Thẻ phụ:** Miễn phí			
7	Thẻ tín dụng Visa Signature	Miễn phí năm đầu; Từ năm thứ 2: 1,299,000 VNĐ/năm Miễn phí khi DSCT đạt 100 triệu VNĐ/năm liền kề trước đó			
8	Thẻ tín dụng Visa Infinite	**1. Thẻ chính:** Miễn phí năm đầu. Các năm tiếp theo thu 5.999.000 VNĐ/thẻ/năm. Miễn phí khi KH đạt một trong các tiêu chí sau: + DSCT thẻ năm liền trước đạt 300 triệu (BQ 25 triệu/tháng). + Tổng giá trị tài sản của KH tại MB (AUM) ≥ 5 tỷ đồng. + TOI ≥ 150 triệu đồng **2. Thẻ phụ:** 3.000.000 VNĐ/thẻ/năm. Miễn phí khi DSCT thẻ phụ năm liền trước đạt 200 triệu đồng.			Áp dụng từ ngày 01/01/2026
9	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite				
10	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Bamboo	Miễn phí			
11	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu SSC	200.000 VND/năm			
12	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Viettravel Classic/Platinum	Thẻ chính: Hạng Classic - 200.000 VND/năm; Hạng Platinum - 600.000 VND/năm			
		Thẻ phụ: Hạng Classic - 100.000 VND/năm; Hạng Platinum - 300.000 VND/năm			
13	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VinID Classic/Platinum	Thẻ chính: Hạng Classic - 100.000 VND/năm; Hạng Platinum - 400.000 VND/năm			
		Thẻ phụ: Hạng Classic - 50.000 VND/năm; Hạng Platinum - 300.000 VND/năm			
IV	**PHÍ GIAO DỊCH**	**Áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng**			
1	**Giao dịch qua POS của MB**				
	Giao dịch thanh toán mua hàng hoá, dịch vụ	Miễn phí			
	Giao dịch ứng tiền mặt bằng thẻ tín dụng - chưa bao gồm VAT	3% * Số tiền giao dịch, tối thiểu 50.000VND			
	Phí in sao kê 5 giao dịch gần nhất	Miễn phí			
	Phí đổi PIN	Miễn phí			
2	**Giao dịch ứng tiền mặt qua POS của ngân hàng khác**	4% * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu 50.000VND			
3	**Giao dịch trên ATM của MB**				
	Phí rút tiền mặt	4% * Số tiền giao dịch, tối thiểu 100.000VND			
	Phí truy vấn số dư	Miễn phí			
	Phí in sao kê giao dịch	Miễn phí			
	Phí đổi PIN	Miễn phí			

4	**Giao dịch qua ATM của NH khác**		
	Phí rút tiền mặt - chưa bao gồm VAT	4% * Số tiền giao dịch + Phí NH thanh toán thu (nếu có), tối thiểu 100.000VND	
	In số dư khả dụng (OTB)	Theo biểu phí của Ngân hàng thanh toán. MB không thu.	
	Phí in sao kê giao dịch		
	Phí đổi PIN		
5	**Phí thay đổi hạng thẻ (nâng hạng/hạ hạng)**		
	Với thẻ tín dụng Visa Infinite & Mastercard World Elite	Nâng hạng: 4.000.000 VNĐ/thẻ; Giảm hạng: Không áp dụng	Áp dụng từ 01/01/2026
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	200.000 VND/thẻ; (miễn phí trường hợp thẻ hết hạn và phải đổi hạng do không đủ điều kiện ở hạng cũ)	
6	**Phí gia hạn thẻ (không thu VAT)**	Miễn phí	
7	**Phí ngừng sử dụng thẻ theo yêu cầu của KH**		
	Đối với thẻ Visa Infinite và Mastercard World Elite	3.000.000 VNĐ/thẻ	Áp dụng từ 15/01/2026
	Đối với thẻ Visa Signature	Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 600.000 VND/thẻ; Các trường hợp khác: 300.000 VND/thẻ	
	Đối với thẻ phi vật lý từ hệ thống (thẻ tặng khi onboard app, QRTS, thẻ gia hạn tự động,...)	Miễn phí	
	Đối với các sản phẩm thẻ còn lại	Đóng thẻ trong vòng 12 tháng kể từ ngày kích hoạt: 200.000 VND/thẻ Các trường hợp khác: 100.000 VND/thẻ	Với thẻ phi vật lý, áp dụng từ 08/05/2026
8	**Phạt chậm thanh toán (không thu VAT)**	6% * Số tiền tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu 200.000VND	
9	**Phí điều chỉnh hạn mức tín dụng**		Kênh quầy: Từ 18/07/2025 Kênh App: Từ 01/08/2025 Thẻ Visa Signature áp dụng từ 09/04/2026
	+ Điều chỉnh nâng/ hạ hạn mức theo chính sách MB thực hiện	Miễn phí	
	+ Điều chỉnh nâng/ hạ hạn mức theo yêu cầu của Khách hàng	Miễn phí lần đầu. Áp dụng từ lần thứ 2: 70.000 VND/ lần	
10	**Phí thay đổi hạn mức giao dịch**	Miễn phí	
11	**Phí thay đổi hình thức đảm bảo sử dụng thẻ (không thu VAT)**	100.000 VND/lần	
12	**Phí cập nhật lên danh sách thẻ cấm lưu hành của tổ chức thẻ quốc tế**		
	Thẻ tín dụng VISA	200.000 VND/lần	
	Thẻ tín dụng JCB	900.000 VND/lần	
	Thẻ tín dụng MASTERCARD	200.000 VND/lần	
13	**Phí tra soát** (Áp dụng khi chủ thẻ khiếu nại không đúng)	Miễn phí	
	Giao dịch rút tiền ATM	Miễn phí	
14	**Phí cấp lại bản sao sao kê**	50.000 VND/bản	
15	**Phí yêu cầu xác nhận thông tin chủ thẻ hoặc các yêu cầu phát** sinh khác	100.000 VND/lần	
16	**Phí chuyển đổi ngoại tệ (Khi thanh toán, rút tiền mặt bằng ngoại tệ)**		
	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth	2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Platinum	2.0% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	Gói Hàng ngày/Phong cách sống: 2% * Số tiền giao dịch; Gói Du lịch: 0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Signature	0.5% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Infinite	Miễn phí	
	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	Miễn phí	
	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	2.0% * Số tiền giao dịch	
17	**Phí xử lý giao dịch nước ngoài (bao gồm giao dịch hoàn trả hàng hóa)**		
	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth	1% * Số tiền giao dịch	Từ 09/10/2026, áp dụng mức thu tối thiểu xét theo giá trị giao dịch, cụ thể: - Giao dịch dưới 150,000 VND: tối thiểu 5,000 VND/giao dịch - Giao dịch từ 150,000 VND trở lên: tối thiểu 10,000 VND/giao dịch
	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa/JCB Platinum	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng JCB Ultimate	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Signature	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Visa Infinite	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite	1% * Số tiền giao dịch	
	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum	1% * Số tiền giao dịch	
18	**Phí cung cấp bản sao hóa đơn, áp dụng chung với các loại thẻ tín dụng**	80.000 VND/hóa đơn	
19	**Phí giao dịch trên hạn mức dự phòng (nếu có)**		
20	**Phí duy trì hạn mức với thẻ không hoạt động trong hơn 12 tháng**		
21	**Phí giao dịch đặc biệt (nếu có)**		Từ 06/2025
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ dưới 50 triệu đồng	150.000VND/kỳ	
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 50 đến dưới 100 triệu đồng	300.000VND/kỳ	
	Tổng giao dịch đặc biệt trong kỳ từ 100 triệu đồng trở lên	500.000VND/kỳ	
V	**TRẢ GÓP**		
I	Đối với Thẻ tín dụng Visa Signature		
1	Trường hợp chọn thu phí đầu kỳ		
1.1	Phí đăng ký chuyển đổi trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	Miễn phí	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Miễn phí	
1.2	Phí quản lý trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	Đảm bảo tổng giá trị tối thiểu của mức phí quản lý trả góp và phí hỗ trợ trả góp tại Đơn vị liên kết là 0.6%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp
1.3	Phí hỗ trợ trả góp (thu ĐVCNT)	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	

1.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
2	Trường hợp chọn thu phí hàng kỳ		
2.1	Phí đăng ký chuyển đổi trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	Miễn phí	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Miễn phí	
2.2	Phí quản lý trả góp (thu KH)		
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị không liên kết	1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Đối với giao dịch thực hiện tại Đơn vị liên kết	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	Đảm bảo tổng giá trị tối thiểu của mức phí quản lý trả góp và phí hỗ trợ trả góp tại Đơn vị liên kết là 0.6%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp
2.3	Phí hỗ trợ trả góp (thu ĐVCNT)	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
2.4	Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
II	**Đối với Thẻ tín dụng còn lại**		
1	**Trả góp giao dịch**		
1.1	Trả góp tại Đơn vị liên kết		
	- Phí Trả góp thu KH	Miễn phí/ Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
	- Phí hỗ trợ trả góp thu ĐVLK	Theo thỏa thuận với Đơn vị liên kết	
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
1.2	Trả góp trên App MBBank/tổng đài MB247		
1.2.1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn)	Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	
1.2.2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp (1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp)	Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
2	**Trả góp dư nợ**		Áp dụng từ 01/03/2026
2.1	Trường hợp chọn Trả góp phí thu đầu kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp	Thu 01 lần duy nhất tại thời điểm đăng ký trả góp thành công
	+ Kỳ hạn 3-24 tháng	0.8%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 36 tháng	0.55%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 48 tháng	0.50%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	+ Kỳ hạn 60 tháng	0.45%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp * kỳ hạn	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)	Miễn phí	
2.2	Trường hợp chọn Trả góp phí thu hàng kỳ		
	- Phí trả góp	Theo kỳ hạn trả góp	Thu hàng tháng cùng dư nợ gốc
	+ Kỳ hạn 3-12 tháng	1.2%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 24 tháng	1.1%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 36 tháng	0.65%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	+ Kỳ hạn 48-60 tháng	0.55%/tháng * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2.5% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 200.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 200.000 VND Phí trả góp đã thu sẽ không được hoàn lại
3	**Trường hợp Trả góp theo Chương trình ưu đãi Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) MBLife**		
3.1	Với hợp đồng đóng phí năm 1		
	- Phí trả góp	Miễn phí; Áp dụng với kênh thanh toán trên "Cổng bảo hiểm MB" và khách hàng tick chọn Trả góp (tại Chợ ứng dụng trên App MBBank); Không áp dụng miễn phí với các kênh thanh toán khác. Trường hợp Khách hàng thực hiện thanh toán HĐBH MBLife tại các kênh khác và chuyển đổi trả góp, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND Áp dụng từ ngày 10/12/2025
3.2	Với hợp đồng đóng phí năm 2		Áp dụng từ ngày 15/04/2026 đến 31/12/2026 hoặc đến khi có thông báo thay thế
	- Phí trả góp	Miễn phí; Khách hàng đăng ký với CV Tư vấn MBLife và thanh toán theo các kênh MBLife cung cấp. Trường hợp Khách hàng tự thực hiện chuyển đổi trả góp trên App, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/Phí tất toán trước hạn trước sao kê (thu KH) (không thu VAT)	Miễn phí	
	- Phí tất toán trước hạn sau sao kê (thu KH) (không thu VAT)	2% * giá trị giao dịch đăng ký trả góp	Phí tối thiểu: 100.000 VND
3.3	Với hợp đồng đóng phí năm 3 trở lên		
	- Phí trả góp	Khách hàng thực hiện đăng ký trên App MBBank/tổng đài MB247, mức phí áp dụng theo mục V.1.2	
	- Phí hủy giao dịch trả góp/tất toán trước sao kê (không thu VAT)		
	- Phí tất toán trước hạn (thu KH)/tất toán sau sao kê (không thu VAT)		

VI	LÃI SUẤT THẺ TÍN DỤNG				
1	Thẻ tín dụng Visa Classic/Gold/ Modern Youth		34.5%/năm		Lãi suất hiện tại: 30%/năm; Từ ngày 07/10/2026, áp dụng lãi suất mới 34.5%/năm đến khi có thông báo mới.
2	Thẻ tín dụng JCB Classic/Gold/ Modern Youth		34.5%/năm		
3	Thẻ tín dụng JCB Platinum		34.5%/năm		
4	Thẻ tín dụng Mastercard Platinum		34.5%/năm		
5	Thẻ tín dụng Visa Signature		34.5%/năm		
6	Thẻ tín dụng đồng thương hiệu VNA, Viettravel, Bamboo, SSC, VinID Classic/Platinum		34.5%/năm		
7	Thẻ tín dụng Visa Platinum Priority		30%/năm		Lãi suất hiện tại: 25%/năm; Từ ngày 07/10/2026, áp dụng lãi suất mới 30%/năm đến khi có thông báo mới.
8	Thẻ tín dụng JCB Ultimate		30%/năm		
9	Thẻ tín dụng Visa Infinite		22.9%/năm		- Trước ngày 11/09/2026: Áp dụng lãi suất ưu đãi đặc biệt 12%/năm trên dư nợ thẻ - Từ ngày 11/09/2026: Áp dụng lãi suất 22,9%/năm trên dư nợ thẻ (cho đến khi có thông báo mới từ MB)
10	Thẻ tín dụng Mastercard World Elite		22.9%/năm		
VII	LƯU Ý KHÁC				

- Biểu phí và lãi suất được cập nhật theo quy định MB từng thời kỳ, công bố trên website mbbank.com.vn/fee hoặc mục "Tài liệu, biểu mẫu" → "Khách hàng cá nhân"

- Biểu phí trên chưa bao gồm VAT

- Chu kỳ ghi nhận Phí thường niên được xác định từ ngày phát hành thẻ.

- Từ 10/04/2026, MB áp dụng nguyên tắc làm tròn số tiền phí thẻ (chưa VAT) đến hàng chục, cụ thể như sau:

•Nếu phần đơn vị ≥ 05 thì làm tròn hàng chục lên 10

•Nếu phần đơn vị < 05 thì làm tròn hàng chục xuống 00